

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 252/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08-8-2023
V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Việt Xô.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Việt Thắng.

Ông Duyên Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hương là Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 08 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 409/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 về “Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 266/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Huyền T, sinh năm 2001 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1985 (có yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án chị Hồ Huyền T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H tự nguyện thành hôn vào năm 2019, nhưng không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do bất đồng quan điểm, lối sống, tính tình không hòa hợp nhau và không tự giải quyết được nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Thời gian chung sống, chị và anh H có 01 con chung tên Hồ Ngọc H1, sinh ngày 25/8/2019. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Không có, nên không đặt ra yêu cầu.

Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra yêu cầu.

Ý kiến anh Nguyễn Văn H: Anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt anh và anh không đặt ra ý kiến yêu cầu gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của chị Hồ Huyền T được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Nguyễn Văn H có yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H được xác lập vào năm 2019, nhưng không đăng ký kết hôn là chưa đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập, nay có yêu cầu ly hôn, Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết. Do quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H không đăng ký theo quy định của pháp luật, căn cứ Điều 53 và khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị T và anh H là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị T và anh H có một người con chung đang ở cùng chị T, sau khi ly hôn chị T yêu cầu nuôi con, trong khi đó anh H không có ý kiến gì về con chung, để không làm xáo trộn môi trường sống của con, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao con cho chị T nuôi. Phần cấp dưỡng đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Đương sự xác định không có và không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về nợ chung: Đương sự xác định không có và không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Phần tạm ứng án phí chị T đã nộp được khấu trừ.

[8] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 53, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ

điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Hồ Huyền T và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị T nuôi con tên Hồ Ngọc H1, sinh ngày 25/8/2019 hiện đang ở cùng chị, phần cấp dưỡng không yêu cầu nên không xem xét.

Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị T.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị Hồ Huyền T phải chịu 300.000 đồng, chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006884 ngày 14/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Việt Xô